

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-ST
Ngày: 04 - 3 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Phan Văn Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST-DS, ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:**

+ Bà Phan Thị Thúy L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

+ Ông Trần Quốc K, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Quốc K: Bà Phan Thị Thúy L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2024) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Năm 2015 bà Nguyễn Thị Y có làm đầu thảo 02 dây hụi, vợ chồng ông Trần Quốc K, bà Phan Thị Thúy L có tham gia chơi hụi của bà Y cụ thể như sau:

Vào ngày 20/4/2015 âm lịch bà Y có làm đầu thảo dây hụi 2.000.000 đồng/1 phần, hình thức 01 tháng khui 02 lần (15 ngày khui một lần, khui ngày 05 và ngày 20 hàng tháng), dây hụi có 48 phần, dây hụi bà L, ông K tham gia 01 phần (trong danh sách hụi bà L đại diện đứng tên). Khi hụi khui kỳ thứ 02 (ngày 05/5/2015 âm lịch) bà L, ông K hốt hụi số tiền 76.440.000 đồng (đã trừ tiền đầu thảo), bà Y đã giao đủ số tiền cho bà L, ông K, ông K là người đại diện ký nhận tiền. Khi hợp đồng góp hụi hai bên không có làm văn bản hợp đồng, chỉ hợp đồng bằng lời nói với nhau, nhưng bà Y có mở sổ theo dõi. Sau khi hốt hụi thì bà L, ông K không đóng lại hụi chết hàng tháng cho bà Y, kể từ kỳ khui hụi thứ 3 cho đến khi mãn hụi là 46 kỳ với số tiền là 2.000.000 đồng/1 lần x 46 kỳ = 92.000.000 đồng (chín mươi hai triệu đồng).

Trong năm 2015 bà Y có làm đầu thảo dây hụi 1.000.000 đồng/01 phần, hình thức 07 ngày khui 01 lần, dây hụi này bà L, ông K tham gia 01 phần. Hiện tại dây hụi này mãn quá lâu danh sách hụi và sổ theo dõi hụi bị hư hỏng, thất lạc. Trong dây hụi này ông K, bà L đã hốt hụi, sau khi hốt hụi không đóng tiền hụi chết cho bà Y.

Đến ngày 15/01/2018, bà L có đến gặp bà Y để chốt nợ tiền hụi thì bà L có viết giấy tay giao cho bà Y. Bà L thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà Y làm đầu thảo (02 dây hụi: 01 dây hụi 2.000.000 đồng/1 phần, hụi tháng khui 02 lần; 01 dây hụi 1.000.000 đồng/1 phần, hụi 01 tuần khui 01 lần). Bà L thừa nhận còn nợ bà Y 02 dây hụi số tiền là 99.000.000 đồng (chín mươi chín triệu đồng). Bà L trả được 9.000.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả cho bà Y 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Sau khi chốt nợ tiền hụi thì bà L có gửi tiền trả bà Y nhiều lần được 16.000.000 đồng, lần trả sau cùng 14/01/2023. Như vậy, trong 02 dây hụi này bà L, ông K nợ bà Y số tiền là 74.000.000 đồng. Bà Y đòi tiền nhiều lần thì ông K, bà L cứ hẹn chứ không trả. Do bà L, ông K vi phạm hợp đồng góp hụi, vi phạm nghĩa vụ đóng hụi sau khi đã hốt hụi, vào ngày 15/01/2018 bà L cam kết mỗi tháng trả bà Y 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, nhưng bà L, ông K không thực hiện như lời cam kết. Đến ngày 14/01/2023, trả bà Y được 16.000.000 đồng, còn nợ lại 74.000.000 đồng không trả. Khi khởi kiện bà Y yêu cầu bà L, ông K trả thêm cho bà Y khoản tiền lãi, mức lãi suất bà Y yêu cầu bà L, ông K phải trả cho bà Y là 01%/1 tháng/số tiền 74.000.000 đồng, thời hạn bà Y yêu cầu tính lãi từ ngày 14/01/2023 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Nay bà Nguyễn Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Thúy L và ông Trần Quốc K có trách nhiệm hoàn trả cho bà Y số tiền nợ trong hợp đồng góp hụi với tổng số tiền là 74.000.000 đồng. Đồng thời, bà Y yêu cầu bà L, ông K trả bà Y tiền lãi là 01%/1 tháng/ số tiền 74.000.000 đồng, thời hạn bà Y yêu cầu tính lãi từ ngày 14/01/2023 âm lịch cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y giữ nguyên yêu cầu về số tiền nợ hui, nhưng phần tính lãi bà Y yêu cầu bà L, ông K trả lãi theo quy định của pháp luật và tính lãi từ ngày 05/3/2023 (dương lịch) cho đến khi xét xử xong vụ án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Quốc K là bà Phan Thị Thúy L trình bày:

Bà L thừa nhận bà và ông K có tham gia chơi hui như bà Y trình bày và còn nợ bà Y số tiền nợ hui 74.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh gia đình ông, bà gặp khó khăn ông, bà yêu cầu bà Y cho vợ chồng bà trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Số tiền lãi trên số tiền nợ hui thì ông, bà không đồng ý.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí nhưng không ai thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y buộc bị đơn bà Phan Thị Thúy L và ông Trần Quốc K trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền nợ trong hợp đồng góp hui là 74.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 05/3/2023 (dương lịch).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/5/2024, bà Nguyễn Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hui đối với bị đơn bà Phan Thị Thúy L và ông Trần Quốc K cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y và bị đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Quốc K là bà Phan Thị Thúy L trình bày: Bà Y có làm đầu thảo 02 dây hụi gồm: Dây hụi ngày 20/4/2015 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng/phần, 01 tháng khui 02 lần, dây hụi có 48 phần, bà L, ông K tham gia một phần; dây hụi năm 2015, hụi 1.000.000 đồng/phần, 07 ngày khui một lần, dây hụi mất quá lâu, danh sách hụi và sổ theo dõi hụi bị hư hỏng, thất lạc, bà L, ông K là thành viên tham gia trong hai dây hụi này, bà L, ông K đã lĩnh tiền hụi, sau đó bà L, ông K không góp hụi chết cho bà Y. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định bà L, ông K có tham gia chơi hụi do bà Y làm chủ hụi gồm dây hụi ngày 20/4/2015 âm lịch và dây hụi năm 2015.

[2.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: Mặc dù hợp đồng góp hụi giữa bà Y và bà L, ông K không lập thành văn bản, nhưng bà Y và bà L, ông K cùng thừa nhận có hợp đồng góp hụi với nhau, cụ thể bà Y là chủ hụi, bà L, ông K là thành viên, do đó xác định đây là hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ. Bà Y và bà L, ông K là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là hợp đồng góp hụi hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại Điều 351 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự; Điều 16 và Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ.

[2.3] Xét về lỗi: Bà L, ông K là người có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ không trả phần tiền hụi chết mà bà Y đã góp thay cho bà L, ông K. Do đó, bà Y yêu cầu bà L, ông K phải hoàn trả cho bà số tiền hụi gốc, tính lãi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐCP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với việc bà Nguyễn Thị Y yêu cầu bà Phan Thị Thúy L và ông Trần Quốc K liên đới trả tiền trong hợp đồng góp hụi thì trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng bà L, ông K thống nhất có tham gia góp hụi và nợ nguyên đơn bà Y số tiền như nguyên đơn trình bày. Vì vậy, bà L, ông K phải liên đới trả tiền cho bà Y theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với ý kiến của bị đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Quốc K là bà Phan Thị Thúy L xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc K, bà Phan Thị Thúy L trả số tiền lãi theo quy

định của pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Y là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất: Khi hợp đồng góp hui hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật, bị đơn không đồng ý trả lãi, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định các bên có tranh chấp về lãi suất thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn là 20%/01 năm nên lãi suất được tính là 10%/01 năm. Như vậy, tính từ ngày 05/3/2023 (dương lịch) đến ngày 04/3/2025 số tiền 74.000.000 số tiền lãi là 01 năm 11 tháng 29 ngày: $74.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm} = 7.400.000 \text{ đồng}$; $74.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}/12 \text{ tháng} \times 11 \text{ tháng} = 6.783.000 \text{ đồng}$; $74.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}/12 \text{ tháng}/30 \text{ ngày} \times 29 \text{ ngày} = 596.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng tiền lãi là $7.400.000 \text{ đồng} + 6.783.000 \text{ đồng} + 596.000 \text{ đồng} = 14.779.000 \text{ đồng}$ (mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phan Thị Thúy L và ông Trần Quốc K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 351, khoản 2 Điều 357; Điều 385; Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật Người cao tuổi; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 16, Điều 17, Điều 21, Điều 22 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biêu, phurong; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Buộc bà Phan Thị Thúy L và ông Trần Quốc K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền nợ hui là 74.000.000 đồng (bảy mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi là 14.779.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Tổng cộng là 88.779.000 đồng (tám mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị Thúy L và ông Trần Quốc K phải chịu 4.439.000 đồng (bốn triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Y, bà Phan Thị Thúy L và ông Trần Quốc K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hường